TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2023/QĐST-HNGĐ	*Phong Điền, ngày 22 tháng 03 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1996; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: số 91, Phan Bội Châu, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Bị đơn: Anh Lê Đình T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: số 7 H, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Th và anh Lê Đình T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Lê Minh Q, sinh ngày 03/01/2017, hiện đang ở với anh T, cho anh Lê Đình T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi ly hôn đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng: Hai đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Th tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0006776 ngày 08-02-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Th được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Đ
;*(ĐKKH số 48/2016ngày 27-10-2016)*
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt